

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Cơ khí**; Chuyên ngành: **Chế tạo máy**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐOÀN TẮT KHOA**

2. Ngày tháng năm sinh: 02/04/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Vũ Vinh – Vũ Thư- Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P1403-Tòa A5, KĐT AnBinh city, Thành phố giao lưu, tổ dân phố Hoàng 21, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng S1105-S1, Khoa Cơ khí, Học Viện Kỹ thuật quân sự, Số 236, Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ... ; Điện thoại di động: 0963.389.325; E-mail: khoadt@lqdtu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 9/2005 đến 9/2006: Giảng viên thực tế tại nhà máy Z111/TCCNQP/BQP.

Từ 10/2006 đến 8/2008: Giảng viên, Bộ môn Chế tạo máy, Khoa Cơ khí, Học viện KTQS

Từ 9/2008 đến 5/2012: Học Cao học tại Đại học Giao thông Tây An, Trung Quốc.

Từ 6/2012 đến 9/2014: Giảng viên, Bộ môn Chế tạo máy, Khoa Cơ khí, Học viện KTQS

Từ 10/2014 đến 10/2017: NCS tại Học viện KTQS.

Từ 11/2017 đến 6/2018: Phó chủ nhiệm Bộ môn, Bộ môn Chế tạo máy, Khoa Cơ khí, Học viện KTQS.

Từ 7/2018 đến 8/2022: Chủ nhiệm Bộ môn, Bộ môn Chế tạo máy, Khoa Cơ khí, Học viện KTQS.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước Từ 9/2022 đến năm nay: Phó chủ nhiệm Khoa, Khoa Cơ khí, Học viện KTQS.

Chức vụ hiện nay: Phó chủ nhiệm Khoa. Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Khoa Cơ khí, Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng.

Địa chỉ cơ quan: Khoa Cơ khí, Học Viện Kỹ thuật quân sự, Số 236, Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 069.556.806

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 8 năm 2005; số văn bằng: B594073; ngành: Cơ khí, chuyên ngành: công nghệ chế tạo vũ khí; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Kỹ thuật quân sự, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 6 năm 2012; số văn bằng: 10698320120000185; ngành: Kỹ thuật cơ khí; chuyên ngành: Chế tạo máy; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Giao thông Tây An, Trung quốc.

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 12 năm 2017; số văn bằng: 007495; ngành: Kỹ thuật cơ khí; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Kỹ thuật quân sự, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Kỹ thuật quân sự.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí – Động lực.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

❖ **Nghiên cứu làm chủ một số công nghệ gia công tiên tiến như công nghệ in 3D kim loại, công nghệ laser.**

Hướng nghiên cứu chính của ứng viên là nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ gia công tiên tiến đặc biệt là công nghệ in 3D kim loại (*Metal Additive Manufacturing-MAM*). In 3D kim loại là một trong những công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp 4.0. Ứng viên chủ yếu tập trung nghiên cứu hai công nghệ chính của in 3D kim loại là công nghệ kết trực tiếp kim loại bằng laser (*Direct Laser Metal Deposition-DLMD*) và công nghệ tạo hình bằng năng lượng hồ quang (*Wire arc additive manufacturing-WAAM*). Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào thiết kế, chế tạo, phát triển thiết bị và làm chủ công nghệ DLMD; nghiên cứu về các quá trình công nghệ, tối ưu hóa các thông số công nghệ để nâng cao chất lượng các chi tiết tạo hình bằng DLMD và WAAM.

❖ **Nghiên cứu tối ưu các quá trình gia công truyền thống.**

Với hướng nghiên cứu này, ứng viên tập trung nghiên cứu các hạn chế của một số công nghệ gia công truyền thống đang được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp chế tạo cơ khí để tìm ra những giải pháp công nghệ nhằm giải quyết các hạn chế công nghệ, nâng cao độ chính xác, năng suất, hiệu quả của quá trình gia công.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS (Đang hướng dẫn 03 NCS: Hướng dẫn chính 01 NCS, hướng dẫn phụ 02 NCS);
- Đã hướng dẫn (số lượng) **08** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (Hướng dẫn chính 05 Thạc sĩ, hướng dẫn phụ 03 Thạc sĩ);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **03** đề tài cấp cơ sở (Chủ nhiệm), **01** đề tài nghiên cứu cơ bản được tài trợ bởi quỹ NAFOSTED (Thư ký khoa học); Đang thực hiện **01** đề tài cấp Quốc gia thuộc chương trình KC4.0 (Chủ nhiệm);
- Đã công bố (số lượng) **41** bài báo và báo cáo khoa học, trong đó **09** bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **03** giáo trình và **01** tài liệu (03 chủ biên, 01 tham gia), cả 04 giáo trình, tài liệu trên đều thuộc nhà xuất bản có uy tín (NXB Quân đội nhân dân); đã xuất bản **02** chương sách trên NXB quốc tế uy tín (tham gia).
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Loại hình khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giảng viên dạy giỏi	Học viện KTQS	2023
2	Giáo viên dạy tốt	Học viện KTQS	2015

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không có**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu tại Học viện Kỹ thuật quân sự từ tháng 10 năm 2005 đến nay. Trong đó có 01 năm thực tế tại cơ sở sản xuất, 04 năm học cao học tại Đại học Giao thông Tây An-Trung quốc, 03 năm NCS tại Học viện Kỹ thuật quân sự. Trong suốt quá trình công tác ứng viên luôn không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công tác để thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ trên các cương vị được giao. Ứng viên tự nhận thấy mình có đủ các phẩm chất, tiêu chuẩn của một Giảng viên đại học, cụ thể như sau:

❖ **Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống:**

+ Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trung thành và tin tưởng vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật nhà nước.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, luôn phát huy tinh thần tiên phong và gương mẫu của người đảng viên, luôn chấp hành tốt quy định về những điều đảng viên không được làm, tận tâm vì công việc.

+ Có lối sống trong sạch, lành mạnh, chân thành, tương thân, tương ái, cư xử đúng mực, thân thiện, hòa đồng với đồng nghiệp, học viên và sinh viên; Luôn giúp đỡ đồng chí, đồng đội, học viên, sinh viên trong quá trình công tác.

+ Luôn luôn giữ vững ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm các quy chế, quy định của đơn vị, tuyệt đối chấp hành phân công của tổ chức. Chấp hành nghiêm các quy chế, quy định của Học viện trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, có tinh thần tự giác và trách nhiệm cao trong công việc.

❖ **Được đào tạo đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của Giảng viên đại học:**

Ứng viên được đào tạo chính quy, bài bản và được cấp các học vị bao gồm:

+ Tốt nghiệp Đại học hệ chính quy, tập trung 5 năm ngành Cơ khí, chuyên ngành Công nghệ chế tạo vũ khí tại Học viện Kỹ thuật quân sự năm 2005.

+ Tốt nghiệp Thạc sỹ khoa học chương trình đào tạo chính quy 3 năm tại đại học Giao thông Tây An – Trung quốc ngành Kỹ thuật cơ khí, chuyên ngành chế tạo máy năm 2012.

+ Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật chương trình đào tạo chính quy, tập trung tại Học viện Kỹ thuật quân sự ngành Kỹ thuật cơ khí năm 2017.

+ Hoàn thành các khóa học và được cấp các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học, ngoại ngữ, tin học.

❖ **Công tác đào tạo đại học và sau đại học:**

+ Giảng dạy các học phần cho hệ đại học bao gồm: Các phương pháp gia công đặc biệt, Công nghệ kim loại, cơ sở công nghệ chế tạo máy, Dung sai và BTL, Kỹ thuật đo lường, Các phương pháp kiểm tra không phá hủy, Thiết kế chế tạo khuôn mẫu.

+ Giảng dạy các học phần cho hệ sau đại học: Tối ưu hóa quá trình cắt gọt, Nghiên cứu độ chính xác gia công, Gia công cao tốc, Công nghệ AM, Tự động thủy khí trong chế tạo máy, Kỹ thuật laser.

+ Hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, đồ án các môn học Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ CAD/CAM. Hướng dẫn Luận văn cao học, Luận án Tiến sỹ ngành Kỹ thuật cơ khí.

+ Tham gia xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Chế tạo máy.

❖ **Công tác nghiên cứu khoa học:**

Trong quá trình công tác ứng viên đã công bố 41 bài báo và báo cáo khoa học, trong đó có 09 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus (ứng viên là tác giả chính 05 bài ISI, scopus sau Tiến sỹ), 03 báo cáo trong Hội thảo quốc tế, 02 chương sách xuất bản trên các tạp chí quốc tế uy tín; Đã biên soạn 03 giáo trình và 01 tài liệu phục vụ đào tạo đại học và sau đại học; Đã chủ trì 03 đề tài cấp Học viện Kỹ thuật quân sự, đã tham gia với vai trò Thư ký khoa học 01 đề tài NAFOSTED (đã nghiệm thu), đang chủ trì 01 đề tài cấp Quốc gia thuộc chương trình KH&CN KC4.0 (thời gian 2021-2024). Thường xuyên tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, phản biện cho các tạp chí uy tín thuộc danh mục của Hội đồng Giáo sư cấp nhà nước (Tạp chí KH&CN Đại học GTVT, Tạp chí Khoa học và công nghệ Quân sự/BQP).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

❖ **Ngoại ngữ:**

Ứng viên có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (chứng chỉ **TOEFL iBT, 62 điểm**, năm 2022), có trình độ tiếng Trung thành thạo (đã học thạc sĩ 4 năm tại Trung quốc). Ứng viên thường xuyên sử dụng tiếng Anh, tiếng Trung trong học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tham gia các hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế.

❖ **Sức khỏe:**

Ứng viên có đủ sức khỏe để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ trên cương vị là giảng viên, sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo tính đến thời điểm nộp hồ sơ là **18 năm 09 tháng**, trong đó có **10 năm 09 tháng** trực tiếp tham gia đào tạo.

- Khai cụ thể ít nhất **06 năm học**, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			03	03	240	40	280/505/216
2	2019-2020			01	03	120	110	230/415/216
3	2020-2021			02	01	160	100	260/450/216
03 năm học cuối								
4	2021-2022		01	01	01	130	100	230/385/216
5	2022-2023		01	01	01	100	130	230/430/202,5
6	2023-2024	01	02	0	0	110	150	260/470/196

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Trung, tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước: Trung quốc, năm 2012.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): **TOEFL iBT 62 điểm** (Trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu), Số 6888 1052 2624 2263, thi ngày 08 tháng 5 năm 2022.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng.

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Đình Luân		x	x		9/2018-4/2019	HV KTQS	27/5/2019 Số bằng: A9229
2	Bùi Đức Thái		x		x	9/2018-4/2019	HV KTQS	27/5/2019 Số bằng: A9236
3	Phạm Văn Tuấn		x		x	9/2018-4/2019	HV KTQS	27/5/2019 Số bằng: A9441
4	Phạm Văn Chính		x	x		9/2019-4/2020	HV KTQS	08/6/2020 Số bằng: A9638
5	Nguyễn Đăng Tùng		x	x		9/2020-4/2021	HV KTQS	06/7/2021 Số bằng: A10081
6	Phạm Việt Cường		x		x	9/2020-4/2021	HV KTQS	06/7/2021 Số bằng: A10068
7	Nguyễn Mạnh Cường		x	x		9/2021-4/2022	HV KTQS	10/6/2022 Số bằng: C001736
8	Ngô Minh Tú		x	x		9/2022-4/2023	HV KTQS	12/6/2023 Số bằng: C002155
9	Dương Văn Ngụy	x			x	9/2020	HV KTQS	Chưa tốt nghiệp
10	Hoàng Quang Huy	x			x	9/2023	HV KTQS	Chưa tốt nghiệp
11	Nguyễn Văn Quân	x			x	9/2023	HV KTQS	Chưa tốt nghiệp

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	<i>Hướng dẫn thí nghiệm công nghệ chế tạo máy.</i> Số xuất bản: 3855-2019/CXBIPH/4-434/QĐND. Quyết định XB: 51-2/QĐLKI-NXBQĐND ngày 7/10/2019. ISBN:978-604-51-5540-0 Nộp lưu chiểu 10/2019.	HD	NXB Quân đội nhân dân, 2019	03	x	Bài 1-2, trang:8-24 Bài 5-11, Trang: 44-98 Bài 14-15: Trang 115-130	Học viện KTQS Số 483/GCN-HV

2	<p>Tự động thủy khí trong chế tạo máy. Số xuất bản: 205-2020/CXBIPH/3-06/QĐND. Quyết định XB: 01-2/QĐLKI-NXBQĐND ngày 3/2/2020. ISBN: 978-604-51-5834-0. Nộp lưu chiều: 2/2020</p>	GT	NXB Quân đội nhân dân, 2020	05	x	Chương 1-2: Trang 1-82	Học viện KTQS Số 463/GCN-HV
3	<p>Các phương pháp kiểm tra không phá hủy. Số xuất bản: 2638-2022/CXBIPH/12-54/QĐND. Quyết định XB: 39-2/QĐLKI-NXBQĐND ngày 5/8/2022. ISBN: 978-604-51-8623-7. Nộp lưu chiều 8/2022.</p>	GT	NXB Quân đội nhân dân, 2022	03	x	Chương 1-5: Trang 1-156	Học viện KTQS Số 483/GCN-HV
4	<p>Tối ưu hóa quá trình gia công Số xuất bản: 1184-2020/CXBIPH/9-30/QĐND Quyết định XB: 10-5/QĐLKI ngày 20 tháng 4 năm 2020. ISBN: 978-604-51-6047-3 Nộp lưu chiều: 5/2020</p>	GT	NXB Quân đội nhân dân, 2020	02		Chương 3: Trang 162-213	Học viện KTQS Số 463/GCN-HV

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiều, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

9

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu công nghệ kiểm tra không phá hủy trong kiểm tra khuyết tật các chi tiết vũ khí chế tạo bằng vật liệu composite	CN	13.0.A.09 Cấp: Học viện KTQS	12/2013- 12/2014	16/12/2014 Xuất sắc
2	Nghiên cứu công nghệ tạo hình bằng laser để phục hồi, sửa chữa các chi tiết máy bị hư hỏng	CN	Cấp: Học viện KTQS	12/2016- 12/2017	17/10/2017 Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
3	Nghiên cứu ứng dụng Robot hàn để chế tạo sản phẩm kim loại theo nguyên lý in 3D	CN	19.1.012 Cấp: Học viện KTQS	11/2019- 11/2020	03/6/2021 Xuất sắc
4	Nghiên cứu sử dụng Robot hàn có khí bảo vệ để in 3D các chi tiết kim loại từ quan điểm công nghệ, kinh tế và môi trường	TK	107.99-2019.18 Cấp: Bộ (Nafosted)	9/2019- 9/2022	10/2022 Đạt
5	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị bồi đắp kim loại trực tiếp bằng laser (DLMD)	CN	KC-4.0-15/19-25 Cấp: Nhà nước	3/2021- 2/2024	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS (16 bài)							
1	Effect of scanning methods on the cracking of the DZ125L Super alloy in Laser Direct Metal Forming	6	x	Chinese Journal of Laser, ISSN: 0258-7025. https://doi.org/10.3788/CJL201239.1003002	Scopus (IF2011=1.188, Q2)	9	Vol 39, No10, 1003002-1- 1003002-8	10/2012
2	Investigation on multi-track multi-layer epitaxial growth of columnar crystal in direct laser forming	7		Journal of Laser Application, ISSN: 1402-346X https://doi.org/10.2351/1.4788595	SCIE (IF2012=0.574)	18	Vol 25, No1, 012007-1- 012007-6	2/2013
3	Ảnh hưởng của tham số công nghệ đến trường ứng suất của chi tiết thanh mỏng chế tạo bởi công nghệ thiêu kết trực tiếp bột kim loại bằng tia laser	2		Tạp chí Khoa học & Kỹ thuật (Journal of Science & Technology)– HV KTQS, ISSN: 1859-0209			Số 156, 29-40	8/2013
4	Mô phỏng trường nhiệt độ của chi tiết thanh mỏng trong công nghệ tạo mẫu nhanh	1	x	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học và công nghệ toàn quốc về Cơ khí-làn thứ III, 2015. ISBN: 978-604-67-0061-6			89-95	4/2013
5	Ảnh hưởng của tham số công nghệ đến kích thước đường đơn tạo hình bằng tia laser	2	x	Tạp chí Khoa học & Kỹ thuật (Journal of Science & Technology)– HV KTQS, ISSN: 1859-0209			Số 166, 42-51	2/2015.

6	The effect of deposition distance on the surface unevenness of thin-wall part fabricated by Laser Direct Metal Forming Technology	1	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật. ISSN:2354-1083			Số 106B, 7-13	2015
7	Ảnh hưởng của công suất nguồn laser đến độ đồng đều chiều dày chi tiết thành mỏng chế tạo bởi công nghệ tạo hình bằng tia laser	2	x	Tạp chí Khoa học & Kỹ thuật (Journal of Science & Technology) – Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam. ISSN: 2525-2518; 0866-708X			Vol 53, No4, 493-503	2015
8	Nghiên cứu chất lượng sản phẩm vật liệu hợp kim chịu nhiệt DZ125L chế tạo bởi công nghệ tạo hình bằng tia laser	4	x	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học và công nghệ toàn quốc về Cơ khí-làn thứ IV, 2015. ISBN: 978-604-73-3691-3			Tập 2 461-468	11/2015
9	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số tham số công nghệ đến góc nghiêng giới hạn chế tạo bởi công nghệ tạo hình bằng laser	2	x	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học và công nghệ toàn quốc về Cơ khí-làn thứ IV, 2015. ISBN: 978-604-73-3691-3			Tập 2 468-476	11/2015
10	Forming column crystal microstructure sample based on optimized single cladding track characteristics	4	x	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học và công nghệ toàn quốc về Cơ khí-làn thứ IV, 2015. ISBN: 978-604-73-3691-3			Tập 2 614-622	11/2015
11	Nghiên cứu phương pháp đo ứng suất dư lớp vật liệu chi tiết chế tạo bởi công nghệ tạo hình bằng laser	2	x	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học kỹ thuật đo lường toàn quốc-lần thứ VI, 2015. ISBN: 978-604-67-0521-5			131-136	5/2015

12	Nghiên cứu cơ chế hình thành vết nứt trong lớp vật liệu hợp kim chịu nhiệt DZ125L chi tiết thành mỏng chế tạo bởi công nghệ tạo hình bằng laser	1	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật. ISSN:2354-1083		Số 108, 44-47	2015
13	Study on the influence of curve radius change on the residual stress at top surface of thin wall part fabricated by laser direct metal forming	1	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật. ISSN:2354-1083		Số 112 19-23	2016
14	Effect of laser power on the molten pool temperature and layer thickness at the curvature radius of thin-wall part fabricated by laser direct metal forming	1	x	Tạp chí Khoa học & Kỹ thuật (Journal of Science & Technology)– Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam. ISSN: 2525-2518; 0866-708X		Vol 54, No3 366-376	2016
15	Ảnh hưởng của một số tham số công nghệ đến chất lượng chi tiết hợp kim Niken DZ125L phục hồi bằng công nghệ tạo hình bằng tia laser	3	x	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự – Viện Khoa học và công nghệ quân sự. ISSN: 1859-1043		Số 44 155-162	8/2016
16	Nghiên cứu tổ chức và cơ tính sản phẩm hợp kim Ti-6Al-4V được tạo hình bằng công nghệ LDMF	3	x	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học công nghệ toàn quốc về cơ khí-Động lực năm 2017. ISBN: 978-604-73-5603-4		155-159	10/2017

II		Sau khi được công nhận PGS/TS (27 bài)						
17	Ảnh hưởng của phương pháp bôi trơn làm nguội đến chất lượng bề mặt gia công khi tiện tinh tốc độ cao	2		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số 8 100-102	8/2018
18	Study on the surface integrity when milling nickel based super-Alloy inconel 625	2	x	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự – Viện Khoa học và công nghệ quân sự ISSN: 1859-1043			Số 57A 118-125	11/2018
19	Optimization of milling process parameters for energy saving and surface roughness	6		Transport and Communications Science Journal, ISSN:1859-2724			Vol70, issue 3 174-184	9/2019
20	Parameters based optimization of the dry milling process for energy saving	4	x	Tạp chí Kỹ thuật thủy lợi và môi trường. ISSN: 1859-3941			Số ĐB 192-197	10/2019
21	Prediction of surface roughness when processing 40X annealing steel using rotary blade bit by artificial intelligence method	5		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số 4 146-149	2019
22	Effect of welding current on the shape and microstructure evolution of thin-walled low carbon parts built by wire arc additive manufacturing	6		Tạp chí Khoa học & Kỹ thuật (Journal of Science & Technology) – Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam. ISSN: 2525-2518; 0866-708X			Vol 58, No4 461-472	7/2020

23	Nghiên cứu chất lượng sản phẩm vật liệu thép không gỉ 308L chế tạo bởi công nghệ WAAM	5		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số 5 66-70	5/2020
24	Prediction of welding bead geometry for wire arc additive manufacturing of ss308L wall using response surface methodology	4		Transport and Communications Science Journal, ISSN:1859-2724			Vol71, issue 4 431-443	5/2020
25	Optimization of Milling Process for Improving Technological Performances	2		2018 International conference on Machining, Material, and Mechanical Technology	International conference		539-544	12/2018
26	Evaluating economic and environmental performance of wire-arc additive manufacturing	6		Proceedings of the International Conference on Advanced Mechanical Engineering, Automation, and Sustainable Development 2021 (AMAS 2021)	International Conference		1009-1014	2021
27	Thermal Analysis in Wire Arc Additively Manufactured SS308L Walls via Numerical Simulations			Proceedings of the International Conference on Advanced Mechanical Engineering, Automation, and Sustainable Development 2021 (AMAS2021) https://doi.org/10.1007/978-3-030-99666-6_2	International Conference	2	10-15	2022
28	Optimization Parameters of Milling Process of Mould Material for Decreasing Machining Power and Surface Roughness Criteria	5		Tehnički vjesnik. ISSN 1330-3651 (Print), ISSN 1848-6339 (Online) https://doi.org/10.17559/TV-20180715085107	SCIE, (IF2018= 0.644, Q3)		Vol26 (5) 1297-1304	2019

29	Wire and arc additive manufacturing of 308L stainless steel components: Optimization of processing parameters and material properties	4		Engineering Science and Technology, an International Journal. ISSN: 2215-0986. https://doi.org/10.1016/j.jestch.2021.01.009	SCIE, (IF2020=5.29, Q1)	87	Vol 24 1015-1026	2021
30	Prediction of surface roughness of Ti6Al4V and optimization of cutting parameters based on experimental design	4	x	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự – Viện Khoa học và công nghệ quân sự, ISSN: 1859-1043			Số 87 108-116	5/2023
31	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống cấp bột kim loại cho công nghệ tạo hình trực tiếp bằng laser DLMD	6	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Công nghiệp Hà nội P-ISSN 1859-3585 E-ISSN 2615-9619			Tập 59- số 2B 61-64	4/2023
32	Mô phỏng số phân bố của dòng bột tại đầu phun đồng trực gián đoạn trong công nghệ bồi đắp kim loại trực tiếp bằng laser	3	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Công nghiệp Hà nội. P-ISSN 1859-3585 E-ISSN 2615-9619			Tập 59- số 3 58-64	6/2023
33	Tối ưu hóa chế độ công nghệ lăn ép sử dụng con lăn bằng phương pháp Taguchi và phương pháp mạng nơ ron nhân tạo	4	x	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự – Viện Khoa học và công nghệ quân sự, ISSN: 1859-1043			Số 88 139-146	6/2023

34	Study on the mechanism of crack formation in Inconel 625 formed by Direct Laser Metal Deposition	5	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Công nghiệp Hà nội. P-ISSN 1859-3585 E-ISSN 2615-9619			Tập 59- số 6B 54-60	11/2023
35	Development of prediction models and multi-objective optimization of single deposited tracks in laser direct metal deposition process of 316L stainless steel	3	x	Manufacturing Review. ISSN: 2265-4224 https://doi.org/10.1051/mfreview/2024012	ESCI, (IF2022=2.5, Q2)		Vol 11, No 14 1-15	5/2024
36	Effects of scanning methods on cracking, microstructures and microhardness of Inconel 625 parts formed by Direct Laser Metal Deposition	4	x	Manufacturing Review. ISSN: 2265-4224 https://doi.org/10.1051/mfreview/2024001	ESCI, (IF2022=2.5, Q2)		Vol 11, No 2 1-15	2/2024
37	Multi-Objective Optimization of the Rotary Turning of Hardened Mold Steel for Energy Saving and Surface Roughness Improvements	3	x	Journal of Machine Engineering, ISSN 1895-7595 (Print) ISSN 2391-8071 (Online). https://doi.org/10.36897/jme/172877	Scopus, (IF2022= 1.53, Q2)	5	Vol 23, No 4 101-121	9/2023
38	Multi-response optimization of the electrical discharge drilling operation: trade-off relation between the quality and efficiency	3	x	Journal of Applied Engineering Science. ISSN: 1821-3197 https://doi.org/10.5937/jaes0-46706	Scopus, (IF2022= 0.84, Q3)	0	Vol 21, No 4. 1203-1214	2023

39	Multi-performance Optimization of the Rotary Turning Operation for Environmental and Quality Indicators	3	x	Strojniški vestnik - Journal of Mechanical Engineering, ISSN: 0039-2480 (print) ISSN: 2536-3948 (online). https://doi.org/10.5545/sv-jme.2023.692	SCIE, (IF2022=1.7, Q3)		Vol 70, Issue 1-2 42-54	2024
40	Nghiên cứu sự biến đổi tổ chức trong quá trình in 3D kim loại bằng laser với vật liệu inconel 625	4	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Công nghiệp Hà nội, P-ISSN 1859-3585 E-ISSN 2615-9619			Tập 60, Số 4 67-71	4/2024
41	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống cơ khí, truyền động của robot trình sát	4	x	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171, 2734-9098; e-ISSN: 2615 - 9562			Số 229(2) 37-44	1/2024
Chương sách								
42	Chapter 5: Additive Manufacturing of Thin-Wall Steel Parts by Gas Metal Arc Welding Robot: The Surface Roughness, Microstructures and Mechanical Properties	4		Springer Nature Switzerland AG 2021 Print ISBN: 978-3-030-57834-3 Online ISBN: 978-3-030-57835-0 https://doi.org/10.1007/978-3-030-57835-0_5	Book chapter	1	Chương 5 Trang: 43-53	2021
43	Chapter 2: Process Overview and a Case Study on Low-Carbon Steels	2		Wire Arc Additive Manufacturing, CRC Press. ISBN: 1032419148,9781032419145 https://library.lol/main/F5E3E0343829EA224319B096772FBA85	Book chapter		Chương 2 Trang: 25-39	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **05** bài báo (35, 36, 37, 38, 39).

18

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo kỹ sư quân sự dài hạn	Chủ trì	Số 4124/QĐ-HV ngày 07/10/2021	Học viện KTQS	Số 1939/QĐ-HV ngày 30/5/2022, Áp dụng vào chương trình đào tạo kỹ sư quân sự ngành Kỹ thuật cơ khí (mã số: 7520103) tại HVKTQS	

19

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Ứng viên đã chủ trì xây dựng chương trình đào tạo đại học chuyên ngành chế tạo máy cho kỹ sư quân sự dài hạn, xây dựng đề cương chi tiết học phần và ngân hàng đề thi cho các môn học, bao gồm: Các phương pháp gia công đặc biệt, Dung sai và BTL, Các phương pháp kiểm tra không phá hủy. Các học phần đã và đang được đưa vào chương trình giảng dạy.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Không**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Không**

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Không**

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: **Không**

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: **Không**.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **Không**.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Không**.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đoàn Tất Khoa